

PHÁT TRIỂN TÂM VẬN ĐỘNG CỦA TRẺ 18 ĐẾN DƯỚI 60 THÁNG TUỔI TẠI MỘT SỐ XÃ, HUYỆN NAM TRỰC, NAM ĐỊNH

Lê Thị Thủy¹, Cao Thị Thu Hương²

Một nghiên cứu cắt ngang mô tả trên 210 trẻ em từ 18-60 tháng tuổi tại một số xã thuộc huyện Nam Trực, Nam Định. Đánh giá phát triển tâm vận động của trẻ bằng test ASQ. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Tỷ lệ chậm phát triển kỹ năng giao tiếp của trẻ là 16,2%, chậm phát triển kỹ năng vận động toàn thân của trẻ là 18,1%; chậm phát triển kỹ năng vận động tinh của trẻ là 16,7%, tỷ lệ trẻ chậm phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề là 12,4%, chậm phát triển kỹ năng cá nhân- xã hội là 14,8%. Tỷ lệ trẻ có kỹ năng giao tiếp, vận động toàn thân, vận động tinh, kỹ năng giải quyết vấn đề và cá nhân xã hội ở mức nghi ngờ tương ứng là 18,6%; 13,3%; 29,5%; 23,3% và 19,6%.

Từ khóa: *Tâm vận động, trẻ em 18-60 tháng.*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trẻ em là cơ thể đang lớn và phát triển, đặc biệt trong những năm đầu tiên của cuộc đời do đó việc theo dõi đánh giá tình trạng sức khỏe của trẻ được thể hiện qua sự tăng trưởng về thể chất và phát triển tinh thần vận động là cần thiết. Sự tăng trưởng về thể chất được thể hiện qua các chỉ số nhân trắc (cân nặng, chiều cao, vòng đầu, vòng ngực, vòng cánh tay...). Sự phát triển về tâm thần vận động của trẻ diễn biến song song với sự tăng trưởng về thể chất và sự trưởng thành các chức năng trong cơ thể. Các test đánh giá phát triển tâm vận động được sử dụng phổ biến là test Denver và test ASQ (Ages and Stages Questionnaire), mỗi test đánh giá đều có những ưu điểm và hạn chế [1],[2]. Hiện nay test ASQ được nghiên cứu và sử dụng rộng rãi như một công cụ sàng lọc kiểm tra đánh giá phát triển tâm vận động của trẻ. Test ASQ đã được nghiên cứu và hiệu chỉnh 3 lần với những câu hỏi, quan sát thực hiện các lĩnh vực theo từng lứa tuổi (giai đoạn phát triển) của

trẻ. Tuy nhiên, ở Việt Nam: việc đánh giá phát triển tâm vận động của trẻ qua test ASQ chưa nhiều. Để có biện pháp can thiệp dinh dưỡng kịp thời nhằm cải thiện tình trạng phát triển tâm vận động của trẻ em từ 18 tháng đến dưới 60 tháng tuổi tại một số xã thuộc huyện Nam Trực tỉnh Nam Định, một nghiên cứu cắt ngang mô tả thực trạng phát triển tâm vận động của trẻ em bằng test ASQ cần được tiến hành.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng và địa bàn, thời gian nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu

Trẻ em từ 18 đến dưới 60 tháng tuổi đang sống tại địa bàn nghiên cứu. Trẻ không bị mắc các bệnh mạn tính, các dị tật bẩm sinh tại thời điểm điều tra. Cha mẹ đồng ý cho trẻ tham gia nghiên cứu

Địa điểm nghiên cứu:

Nghiên cứu được thực hiện tại 4 xã của huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định: Nam Hồng, Nam Lợi, Nam Thanh, Nam Tiến.

¹ThS. Bệnh viện Nhi Thanh Hóa

Email: ctthuong@yahoo.com

²TS. BS. Viện Dinh dưỡng Quốc gia

Ngày nhận bài: 1/2/2017

Ngày phản biện đánh giá: 1/3/2017

Ngày đăng bài: 3/5/2017

Thời gian nghiên cứu: Tháng 2/2014-4/2014.

2.2. Cỡ mẫu và chọn mẫu

Cỡ mẫu đánh giá tâm vận động: Do nguồn lực hạn chế nên mỗi nhóm tuổi (theo bộ câu hỏi tâm - vận động) chỉ chọn 18 trẻ tham gia nghiên cứu. Cỡ mẫu đánh giá tâm vận động là 216 trẻ cho 12 bộ câu hỏi. Thực tế chọn được 210 trẻ.

Chọn mẫu đánh giá tâm vận động: Chọn ngẫu nhiên hệ thống.

2.3. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang mô tả.

2.4. Thu thập số liệu và đánh giá kết quả

Thu thập và đánh giá phát triển tâm vận động của trẻ: Sử dụng bảng hỏi về tuổi và giai đoạn phát triển của trẻ (Ages and Stages Questionnaires). Mỗi lứa tuổi có một bộ câu hỏi riêng. Mỗi bộ câu hỏi gồm 5 lĩnh vực, mỗi lĩnh vực có 6 câu hỏi; mỗi câu hỏi, cha mẹ trả lời kết hợp với quan sát/test trên trẻ và được tính

điểm như sau: nếu trẻ thực hiện được thường xuyên đạt 10 điểm, trẻ thực hiện được thỉnh thoảng đạt 5 điểm, trẻ không thực hiện được: 0 điểm.

Tổng số điểm của mỗi lĩnh vực giao động từ 0-60 điểm và được so sánh với giá trị trung bình (của trẻ bình thường theo từng lứa tuổi).

Mỗi phiếu đánh giá có ngưỡng phân loại trẻ em ở mức độ chậm phát triển, nghi ngờ và bình thường [2].

2.5. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu được nhập liệu bằng phần mềm EPI DATA, được làm sạch và xử lý bằng phần mềm SPSS 16.0. Sử dụng các test thống kê phù hợp.

2.6. Vấn đề đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu đã tuân thủ theo các vấn đề đạo đức trong nghiên cứu y sinh học. Hồ sơ đạo đức nghiên cứu đã được hội đồng đạo đức của Viện Dinh dưỡng thông qua.

III. KẾT QUẢ

Bảng 3.1. Mức độ phát triển kỹ năng giao tiếp của trẻ theo giới tính và nhóm tuổi

		Chậm (n,%)	Nghi ngờ	Bình thường
Theo giới tính	Nam (n=105)	20 (19,0)	19 (18,1)	66 (62,9)
	Nữ (n=105)	14 (13,3)	20 (19,0)	71 (67,6)
Theo nhóm tuổi	18-23 (n=30)	5 (16,7)	6 (20,0)	19 (63,3)
	24-35 (n=60)	11 (18,3)	15 (25,0)	34 (56,7)
	36-47 (n=60)	6 (10,0)	10 (16,7)	44 (73,3)
	48-<60 (n=60)	12 (20,0)	8 (13,3)	40 (66,7)
Chung (n=210)		34 (16,2)	39 (18,6)	137 (65,2)

Kết quả bảng 3.1 cho thấy: Phát triển kỹ năng giao tiếp của trẻ ở mức độ chậm là 16,2%, trong đó trẻ nam chiếm tỷ lệ 19% cao hơn trẻ em nữ là 13,3%, sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với $p>0,05$. Phát triển kỹ năng giao tiếp ở mức độ nghi ngờ là 18,6% và không có

sự khác biệt về tỷ lệ này giữa trẻ nam và nữ ($p>0,05$). Trẻ em nhóm 24-25 tháng tuổi có tỷ lệ phát triển kỹ năng giao tiếp ở mức độ nghi ngờ cao nhất (25%). Trẻ em nhóm 48-60 tháng có mức độ chậm phát triển khu vực giao tiếp cao nhất (20%).

Bảng 3.2. Mức độ phát triển kỹ năng vận động toàn thân của trẻ theo giới tính và nhóm tuổi

		Chậm (n, %)	Nghi ngờ	Bình thường
Giới tính	Nam (n=105)	19 (18,1)	14 (13,3)	72 (68,6)
	Nữ (n=105)	19 (18,1)	14 (13,3)	72 (68,6)
Theo nhóm tuổi	18-23 (n=30)	1 (3,3)	4 (13,3)	25 (83,3)
	24-35 (n=60)	12 (20,0)	11 (18,3)	37 (61,7)
	36-47 (n=60)	11 (18,3)	6 (10,0)	43 (71,7)
	48-<60 (n=60)	14 (23,3)	7 (11,7)	39 (65,0)
Chung (n=210)		38 (18,1)	28 (13,3)	144 (68,6)

Kết quả bảng 3.2 cho thấy: Ở lĩnh vực vận động toàn thân của trẻ thì mức độ chậm phát triển là 18,1%, không có sự khác biệt giữa trẻ em nam và trẻ em nữ. Mức độ nghi ngờ là 13,3% ở cả 2 giới. Nhóm trẻ 18-24 tháng có kỹ năng vận

động toàn thân ở mức độ chậm thấp nhất (3,3%), nhóm có tỷ lệ cao nhất là nhóm 48-<60 tháng (23,3%). Nhóm trẻ 24-35 tháng tuổi có tỷ lệ phát triển ở mức độ nghi ngờ cao nhất (18,3%).

Bảng 3.3. Mức độ phát triển kỹ năng vận động tinh của trẻ theo giới tính và nhóm tuổi

		Chậm (n,%)	Nghi ngờ	Bình thường
Theo giới tính	Nam (n=105)	21 (20,0)	29 (27,6)	55 (52,4)
	Nữ (n=105)	14 (13,3)	33 (31,4)	58 (55,2)
Theo nhóm tuổi	18-23 (n=30)	6 (20,0)	10 (33,3)	14 (45,7)
	24-35 (n=60)	12 (20,0)	22 (36,7)	26 (43,3)
	36-47 (n=60)	8 (13,3)	18 (30,0)	34 (56,7)
	48-<60 (n=60)	9 (15,0)	12 (20,0)	39(65,0)
Chung (n=210)		35 (16,7)	62 (29,5)	113 (53,8)

Kết quả bảng 3.3 cho thấy: Mức độ chậm phát triển kỹ năng vận động tinh của trẻ là 16,7%, nghi ngờ là 29,5%. Trong đó tỷ lệ chậm phát triển ở trẻ nam là 20% cao hơn trẻ em nữ (13,3%), mức độ nghi ngờ ở trẻ em nữ là 31,4% cao hơn trẻ em nam (27,6%) nhưng sự khác biệt

không có ý nghĩa thống kê với $p>0,05$. Mức độ chậm phát triển trong lĩnh vực vận động tinh của trẻ nhóm 24-35 tháng tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (20%) và nhóm tuổi 36-47 tháng tuổi chiếm tỷ lệ thấp nhất (13,3%). Sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với $p>0,05$.

Bảng 3.4. Mức độ phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề của trẻ theo giới tính và nhóm tuổi

		Chậm (n,%)	Nghi ngờ	Bình thường
Giới tính	Nam (n=105)	18 (17,1)	25 (23,8)	62 (59,0)
	Nữ (n=105)	8 (7,6)	24 (22,9)	73 (69,5)
Nhóm tuổi	18-23 (n=30)	6 (20,0)	4 (13,3)	20 (66,7)
	24-35 (n=60)	6 (10,0)	19 (31,7)	35 (58,3)
	36-47 (n=60)	8 (13,3)	11 (18,3)	41 (68,3)
	48-< 60 (n=60)	6 (10,0)	15 (25,0)	39 (65,0)
Chung (n=210)		26 (12,4)	49 (23,3)	135 (64,3)

Kết quả bảng 3.4 cho thấy: Tỷ lệ trẻ chậm phát triển trong lĩnh vực giải quyết vấn đề là 12,4%. Trong đó tỷ lệ trẻ nam cao hơn trẻ nữ (17,1% so với 7,6%). Sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$. Trẻ có mức độ chậm phát triển cao nhất ở nhóm 18-23 tháng tuổi chiếm 20%, còn ở mức độ nghi ngờ nhóm cao nhất là 24-35 tháng tuổi (31,7%) và thấp nhất là nhóm 18-23 tháng tuổi (13,3%). Sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$. Tỷ lệ trẻ nghi ngờ ở khu

vực kỹ năng giải quyết vấn đề của trẻ tăng dần theo nhóm tuổi, cao nhất ở nhóm tuổi từ 24 đến 35 tháng (31,7%) và thấp nhất ở nhóm 18 đến 23 tháng tuổi (13,3%). Tỷ lệ chậm phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề giảm dần theo từng nhóm tuổi, cao nhất ở nhóm 18 đến 23 tháng tuổi (20%), thấp nhất ở nhóm 48 đến dưới 60 tháng tuổi (10%), nhưng sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$.

Bảng 3.5. Mức độ phát triển kỹ năng cá nhân – xã hội của trẻ

		Chậm (n,%)	Nghi ngờ	Bình thường
Giới tính	Nam (n=105)	21 (20,0)	20 (19,0)	64 (61,0)
	Nữ (n=105)	10 (9,5)	21 (20,0)	74 (70,6)
Nhóm tuổi	18-23 (n=30)	5 (16,6)	7 (23,3)	18 (60,0)
	24-35 (n=60)	11 (18,3)	14 (23,3)	35 (58,3)
	36-47 (n=60)	12 (20,0)	9 (15,0)	39 (65,0)
	48 - < 60 (n=60)	3 (5,0)	11 (18,3)	46 (76,7)
Chung (n=210)		31 (14,8)	41 (19,5)	138 (65,7)

Kết quả bảng 3.5 cho thấy: Mức độ phát triển kỹ năng cá nhân – xã hội của trẻ tại địa bàn nghiên cứu với tỷ lệ trẻ chậm phát triển là 14,8% và trẻ nghi ngờ là 19,5%. Tỷ lệ trẻ nam chậm phát triển lĩnh vực cá nhân xã hội là 20% cao hơn trẻ em nữ (9,5%) nhưng sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$. Mức độ chậm phát triển kỹ năng cá nhân

– xã hội của trẻ cao nhất ở nhóm 36-47 tháng tuổi (20%) và thấp nhất nhóm tuổi 48 đến dưới 60 tháng tuổi (5%), sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$.

BÀN LUẬN

Lĩnh vực giao tiếp

Từ 18 tháng trở đi, khi trẻ đã biết nói

vài từ đơn thì sau đó có sự tăng tốc rất nhanh về vốn từ và trẻ đều thực hiện được rất sớm các tiết mục như nói câu hai từ, chỉ được một bộ phận cơ thể, gọi được tên một hình, dùng từ ở số nhiều, nhận biết màu sắc, biết cấu tạo của đồ vật, khi trẻ 5 đến 6 tuổi vốn từ tăng đến vài nghìn từ, nói mạch lạc có hình ảnh, có thể định nghĩa, giải thích sự việc để trao đổi thông tin; thích nghe kể chuyện và kể lại được.

Kết quả nghiên cứu ghi nhận mức độ chậm phát triển trong lĩnh vực ngôn ngữ của trẻ là 16,2%, trong đó trẻ nam chiếm tỷ lệ 19% cao hơn trẻ em nữ, sự khác biệt với $p > 0,05$. Mức độ nghi ngờ là 18,6% và trẻ em nữ cao hơn trẻ em nam. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương tự kết quả nghiên cứu của tác giả Tạ Văn Hưng tỷ lệ trẻ chậm phát triển khu vực ngôn ngữ là 16,8% [3]. Kết quả nghiên cứu Nguyễn Đỗ Huy về tình trạng phát triển tâm vận động của trẻ từ 1 đến 3 tuổi ở Hải Dương: có 28,3% tỷ lệ trẻ nguy cơ chậm phát triển khu vực ngôn ngữ [4]. Tuy nhiên nghiên cứu này chỉ thực hiện ở phạm vi trẻ 1 -3 tuổi cũng không thể đánh giá được toàn bộ trẻ dưới 60 tháng tuổi. Môi trường gia đình và xã hội có sự tác động rất lớn đến sự phát triển ngôn ngữ của trẻ. Có lẽ ở thành phố, hầu hết các gia đình đều có ý thức chăm sóc và giáo dục trẻ từ rất sớm, bố mẹ thường xuyên mua truyện tranh, đồ chơi cho trẻ, thường xuyên đọc truyện cho trẻ nghe và trả lời các câu hỏi của trẻ.

Phát triển tâm vận động ở khu vực vận động toàn thân

Sự phát triển bình thường trong lĩnh vực vận động toàn thân của trẻ từ 18 đến 35 tháng tuổi biết chạy nhanh, lên xuống cầu thang được, ném bóng cao tay, đá bóng, xếp 4 khối vuông thành tháp. Trẻ từ 36 đến 47 tháng tuổi biết đứng bằng 1 chân vài giây, nhảy tại chỗ, nhảy qua vật

cản thấp, đạp xe ba bánh. Trẻ gái thích múa, trẻ trai thích tập võ. Trẻ từ 5 đến 6 tuổi biết đứng bằng 1 chân trong 10 giây, nhảy lò cò, đi nói gót, đi giạt lùi, khả năng thăng bằng tốt. Kết quả cho thấy: ở khu vực vận động toàn thân thì mức độ trẻ chậm phát triển thấp nhất ở nhóm 18-23 tháng tuổi là 3,3%, còn ở mức độ nghi ngờ thì cao nhất là nhóm trẻ từ 24-35 tháng tuổi (18,3%).

Kết quả nghiên cứu của tác giả Tạ Đăng Hưng tỷ lệ chậm phát triển là 13,3%. Tỷ lệ này trong nghiên cứu của Trần Văn Linh năm 2005 ở Ân Thi, Hưng Yên trẻ bình thường là 100% [3],[5]. Như vậy, kết quả của chúng tôi đưa ra cao hơn so với các nghiên cứu trước đó.

Lĩnh vực vận động tinh tế

Vận động tinh tế thể hiện khả năng vận động của các cơ nhỏ và chủ yếu là sự phối hợp giữa thị giác và vận động.

Các tiết mục cần có sự phối hợp mắt – tay ở khu vực này như: Trẻ vạch lẻ giấy bằng bút chì khi cố gắng vẽ. Những tiết mục cần có sự phối hợp mắt - tay rất có ý nghĩa đối với sự phát triển của trẻ, bởi trẻ chưa thể suy nghĩ bằng các biểu tượng, bằng các hình ảnh của sự vật mà sự phát triển tư duy phải gắn liền với hoạt động bên ngoài của trẻ, đặc biệt là các mối quan hệ chủ thể - khách thể. Theo J. Piaget (1995) nhà tâm lý học và giáo dục học thì “Trí khôn xuất phát từ hành động”, trẻ học cách thám hiểm thế giới xung quanh thông qua các hoạt động với đồ vật, đồ chơi, chủ yếu bằng bàn tay.

Đánh giá test ASQ ở lĩnh vực vận động tinh cho thấy 53,8% trẻ bình thường, mức độ chậm phát triển là 16,7%, nghi ngờ là 29,5%. Trong đó tỷ lệ chậm phát triển ở trẻ nam là 20% cao hơn trẻ em nữ (13,3%), mức độ nghi ngờ ở trẻ em nữ là 31,4% cao hơn trẻ em nam (27,6%) nhưng sự khác biệt không có ý

nghĩa thống kê với $p > 0,05$. Mức độ chậm phát triển khu vực vận động tinh tế của trẻ nhóm 24-35 tháng tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (20%) và nhóm tuổi 36-47 tháng tuổi chiếm tỷ lệ thấp nhất (13,3%). Sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$.

Theo tác giả Tạ Văn Hưng đánh giá test Denver II ở khu vực vận động tinh tế và thích ứng kết quả nghiên cứu cho thấy: hầu hết các trẻ được làm test đều đạt mức độ tiến bộ và bình thường (75,6%), thấp nhất là nhóm 6-11 tháng tuổi (là 69,5%), tỷ lệ chậm phát triển là 23,8%.

Phát triển tâm vận động khu vực giải quyết vấn đề

Kết quả cho thấy: Ở khu vực phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề của trẻ, mức độ chậm phát triển là 12,4%. Trong đó tỷ lệ trẻ nam cao hơn trẻ nữ (17,1% so với 7,6%). Sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$, đồng thời mức độ chậm phát triển ở khu vực này giảm dần theo tuổi trẻ; Mức độ chậm phát triển cao nhất ở nhóm 18-23 tháng tuổi chiếm 20%, còn ở mức độ nghi ngờ nhóm cao nhất là 24-35 tháng tuổi (31,7%) và thấp nhất là nhóm 18-23 tháng tuổi (13,3%). Sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$

Mức độ phát triển tâm vận động khu vực cá nhân - xã hội

Khả năng tìm hiểu thế giới xung quanh, đặc biệt có một số tiết mục bắt chước các hoạt động của bố mẹ như: lau nhà, quét nhà, chải tóc, điều này cho thấy trẻ đã biết tự chăm sóc đồng thời mối quan hệ giữa trẻ với gia đình và môi trường xã hội rất tốt, gia đình đã biết động viên khuyến khích trẻ, tạo nhiều cơ hội để trẻ bộc lộ ý muốn của mình. Mỗi trẻ có một nhịp điệu phát triển riêng, thời gian đạt được các tiết mục của từng trẻ cũng rất khác nhau, có những tiết mục trẻ thực

hiện được rất sớm nhưng cũng có tiết mục trẻ thực hiện được muộn cho dù trẻ thực hiện được tất cả các tiết mục này trong giới hạn bình thường.

Nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận tỷ lệ trẻ chậm phát triển ở lĩnh vực cá nhân – xã hội là 14,8% và trẻ nghi ngờ là 19,5%, trong đó tỷ lệ trẻ nam chậm phát triển là 20% cao hơn trẻ em nữ (9,5%) nhưng sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$. Mức độ chậm phát triển lĩnh vực cá nhân – xã hội của trẻ nhóm tuổi cao nhất từ 36-47 tháng tuổi (20%) và thấp nhất nhóm tuổi 48 đến dưới 60 tháng tuổi (5%) sự khác biệt với $p > 0,05$. Có thể địa bàn nghiên cứu của chúng tôi là khu vực nông thôn nên đa phần cha mẹ của trẻ đều phải lo kiếm sống nhiều hơn, các trẻ đều phải biết tự lập từ bé, các công việc bản thân đều được cha mẹ dạy dỗ từ rất sớm nên trẻ đạt được ở mức bình thường trên 65%.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi so với nghiên cứu của Lê Thị Hương nghiên cứu sự phát triển tâm vận động của trẻ dưới 6 tuổi tại khu vực nông thôn kết quả cho thấy tỷ lệ chậm phát triển là khá cao 26,9%, nghi ngờ là 10,1%, của chúng tôi là 14,8% và 19,5%. Sở dĩ có sự khác biệt có lẽ là do không cùng sử dụng một loại test tâm lý, tác giả Lê Thị Hương sử dụng test Denver II [6],[7].

IV. KẾT LUẬN

Tỷ lệ trẻ chậm phát triển kỹ năng giao tiếp, vận động toàn thân, vận động tinh, giải quyết vấn đề và cá nhân xã hội khá cao tương ứng là 16,2%; 18,1%; 16,7%; 12,4% và 14,8%. Tỷ lệ trẻ nghi ngờ chậm phát triển kỹ năng giao tiếp, vận động toàn thân, vận động tinh, giải quyết vấn đề và cá nhân xã hội tương ứng là 18,6%; 13,3%; 29,5%; 23,3% và 19,5%. Không có sự khác biệt có ý nghĩa giữa trẻ nam

và nữ cũng như các nhóm tuổi của trẻ về tỷ lệ chậm hay nghi ngờ chậm phát triển các kỹ năng tâm vận động.

KHUYẾN NGHỊ

Cần có nghiên cứu can thiệp để cải thiện tình trạng dinh dưỡng và phát triển tâm vận động của trẻ em 18-60 tháng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bệnh viện Nhi trung ương (2004). *Hướng dẫn thực hành test Denver II*. Nhà xuất bản y học, tr 287-290.
2. Squires J and Bricker D (2009). *Ages & Stages Questionnaires*. Paul H Brookes Publishing Co. Baltimore, London, Sydney.
3. Tạ Đăng Hưng (2014). *Tình trạng dinh dưỡng và sự phát triển tâm - vận động của trẻ em dưới 6 tuổi tại một số xã thuộc ba khu vực nông thôn, thành thị và miền núi phía bắc*. Luận văn thạc sỹ Y tế công cộng, Trường đại học Y Hà Nội.
4. Nguyễn Đỗ Huy (2012). *Mối liên quan giữa tình trạng suy dinh dưỡng và phát triển lâm lý - vận động ở trẻ em từ 1 đến 3 tuổi*. Tạp chí Y tế công cộng, Số 26, tr. 28-33.
5. Trần Văn Linh (2004). *Áp dụng thử nghiệm test Denver II đánh giá sự phát triển tâm thần vận động ở trẻ em trường mẫu giáo xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên*. Luận văn thạc sỹ Y học, Trường Đại học Y Hà Nội.
6. Lê Thị Hương, Nguyễn Thùy Linh, Nguyễn Thị Thu Hà, (2014). *Tình trạng dinh dưỡng và phát triển tâm vận động của trẻ dưới 6 tuổi tại xã Thụy Lôi, Kim Bảng, Hà Nam*. Tạp chí Y học dự phòng, Tập 24, số 2, tr 45.
7. Lê Thị Hương, Nguyễn Thùy Linh, Nguyễn Thị Thu Hà (2014). *Sự khác biệt về tình trạng dinh dưỡng và phát triển tâm vận động ở trẻ dưới 6 tuổi giữa nông thôn và thành phố của tỉnh Hà Nam năm 2012*. Tạp chí Y học dự phòng, Tập 24, số 4, tr. 48.

Summary

MOTOR-COGNITIVE DEVELOPMENT OF CHILDREN AGED 18-60 MONTHS IN SOME COMMUNES OF NAM TRUC DISTRICT, NAM DINH PROVINCE

A cross-sectional study was conducted in 210 children aged 18- 60 months in some communes of Nam Truc district, Nam Dinh province. Motor-cognitive development of children was assessed using Ages & Stage Questionnaire (ASQ) test. The result showed that prevalence of children below the cut-off zone of communication was 16.2%; below the cut-off zone of gross motor was 18.1%, below the cut-off zone of fine motor was 16.7%; below the cut-off zone of problem solve skill was 12.4%; and below the cut-off zone of personal social skill was 14.8%. Prevalence of children in monitor zone of communication, gross motor, fine motor, problem solve and personal social skill was 18.6%; 13.3%; 29.5%; 23.3% and 19.6%, respectively.

Keywords: *Motor-cognitive, children aged 18-60 months.*

